

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINLAND
Dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xóm 6, xã Nghĩa Tiên, thị xã Thái Hòa,
tỉnh Nghệ An

Nội dung tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường bao gồm:

- Vị trí thực hiện dự án;
- Tác động môi trường của dự án đầu tư;
- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;
- Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;
- Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xóm 6, xã Nghĩa Tiên, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm thực hiện: xóm 6, xã Nghĩa Tiên, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.
- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINLAND.
- Trụ sở chính: P. 510, Tòa nhà CT5 Sông Đà- Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Điện thoại của người liên hệ: 0969356699; Email: Donv.vinland@gmail.com.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: khu vực dự án có diện tích 14,07 ha, thuộc địa bàn xóm 6, xã Nghĩa Tiên, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.
- Quy mô dự án : Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trên diện tích 14,07ha. Quy mô tổng mặt bằng dự án như sau :
 - + Diện tích khu vực mỏ và khu phụ trợ: 14,07ha;
 - + Diện tích khu phụ trợ được bố trí trong khu vực ranh giới mỏ theo hình thức cơ động theo tiến độ sử dụng bao gồm: khu nhà điều hành và bãi đỗ xe máy, thiết bị; hồ lắng; cầu rửa xe; bãi chứa đất mặt tạm thời (trong quá trình khai thác sẽ sử dụng moong đã khai thác để tiếp tục lưu giữ đất mặt phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường)...



Sơ đồ vị trí khu vực mỏ

- Công suất dự án: Căn cứ vào năng lực sản xuất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINLAND cũng như nhu cầu đất san lấp trong tương lai của thị trường:

+ Từ năm thứ 1 đến năm thứ 29 khai thác mỏ với 100% công suất: 88.000m³/năm đất nguyên khai/năm (tương đương 68.217m³ đất nguyên khối/năm).

+ Năm thứ 30 khai thác với trữ lượng còn lại: 64.548m³/năm đất nguyên khai/năm (tương đương 50.037m³ đất nguyên khối/năm)

1.3. Công nghệ khai thác:

Dự án áp dụng hệ thống khai thác khấu theo lớp bằng, vận tải trực tiếp bằng ô tô tự đổ với chiều cao tầng khai thác 5 -6m, chiều rộng đai bảo vệ 2m.

1.4. Trình tự khai thác

Trình tự khai thác từ trên xuống dưới, chiều cao tầng khai thác H = 5m, chiều cao tầng kết thúc khai thác 5 m; đến cao độ +125 m là dừng. Đất được máy xúc trực tiếp lên ô tô (của khách hàng) chở trực tiếp đến nơi tiêu thụ. Tùy theo địa hình và chiều dày của lớp thân khoáng của từng khu vực mỏ mà bố trí tầng khai thác và kết thúc cho phù hợp.

1.5. Tuổi thọ mỏ

Khối lượng đất mỏ khai thác được: $V_{kt} = 2.028.332\text{m}^3$ (tương đương với 2.616.548m³ đất nguyên khai – hệ số nở ròi của đất san lấp là $K_r = 1,29$).

Do đó thời gian khai thác mỏ là:

$$T = \frac{V_{kt} \times K_r}{A_n} \text{ năm}$$

Trong đó:

V_{kt} : Trữ lượng đất huy động vào khai thác; $V_{kt} = 2.028.332\text{m}^3$

A_n : Công suất khai thác mỏ; $A_n = 88.000\text{m}^3$ đất nguyên khai/năm;

K_r : Hệ số nở ròi của đất san lấp là $K_r = 1,29$.

$$\Rightarrow T = \frac{2.028.332 \times 1,29}{88.000} = 29,7 \text{ năm}$$

Vậy tuổi thọ mỏ là $T = 29,7$ năm, lấy tròn 30 năm.

II. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

2.1. Các hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình xây dựng cơ bản:

* Các hạng mục công trình chính phục vụ quá trình khai thác khoáng sản:

- Mở vỉa: Tổng chiều dài đường hào cần phải thi công $L_{AC} = 857m$.

Toàn bộ tuyến đường hào được thi công, phù hợp với tiến độ khai thác, đảm bảo đưa mỏ nhanh đạt công suất thiết kế và giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Bảng 1. Bảng các chỉ tiêu kỹ thuật của tuyến đường vận tải

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều dài tuyến đường	m	560
2	Độ dốc tuyến đường	%	$i_{max} \leq 12\%$
3	Chiều rộng đường	m	9,0
4	Chiều rộng mặt đường xe chạy	m	6,0
5	Góc nghiêng sườn taluy đào	độ	60
6	Chiều rộng lề đường	m	1,0
7	Khối lượng thi công đào đường	m^3	7.160
8	Khối lượng thi công đắp đường	m^3	821
9	Chiều rộng rãnh thoát nước	m	0,5
10	Chiều sâu rãnh thoát nước	m	0,5

Bảng 2. Các thông số của hệ thống khai thác

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H	m	5,0
2	Chiều cao tầng kết thúc	H_{kt}	m	5,0
3	Chiều rộng đai bảo vệ	B_{bv}	m	2,0
4	Chiều rộng lăng trụ sụt lở	Z	m	2,11
5	Chiều rộng đai an toàn	C	m	1,5
6	Góc nghiêng sườn tầng	α	độ	60
7	Góc nghiêng bờ công tác	φ	độ	0
8	Góc nghiêng bờ dừng	γ	độ	45
9	Chiều rộng đai khẩu	A	m	10,0

10	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu	B_{min}	m	23
----	--	-----------	---	----

Thời gian thực hiện song song với thời kỳ khai thác, không tách riêng.

- Diện khai thác đầu tiên:

Theo quy phạm kỹ thuật an toàn trong khai thác và chế biến đá lộ thiên (TCVN 5326: 2008 Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên) quy định về công tác chuẩn bị khai trường, ngoài việc dọn sạch cây cối chướng ngại trên phạm vi mở tầng, tạo đường đi lại cho công nhân thì phải tạo mặt bằng chuẩn bị mở tầng khai thác.

Đây là dạng mỏ có điều kiện địa hình tương đối thuận lợi, độ dốc mái tự nhiên thoải, độ chênh cao không lớn, vì vậy không bố trí diện khai thác đầu tiên riêng biệt, sẽ thực hiện khai thác ngay sau khi có tuyến vận tải.

* Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ quá trình khai thác khoáng sản:

- San gạt mặt bằng phụ trợ:

Mục đích: tạo mặt bằng để xây dựng các công trình xây dựng phục vụ công tác quản lý.

Mặt bằng khu phụ trợ: Đối với dự án này, đất được xuất bán trực tiếp tại mỏ. Trong dự án này chỉ có trạm cân, cầu rửa xe, kho CTNH. Do đó kết thúc khai thác phải di dời các công trình này. Di dời đến vị trí khác (các công trình xây dựng của Công ty). Với trạm cân khối lượng 15 tấn, cầu rửa xe khoảng 10 tấn, thảo dỡ kho CTNH.

- Xây dựng các hạng mục công trình:

Các công trình xây dựng bao gồm:

Mục đích: xây dựng nơi điều hành và quản lý trực tiếp tại mỏ.

Bảng 3. Tổng hợp công trình phụ trợ

T	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Nhà làm việc (Dạng container lắp ghép hoàn thiện - có thể di chuyển)	Cái	1	
2	Nhà ở công nhân (Dạng container lắp ghép hoàn thiện - có thể di chuyển)	Cái	2	
3	Bếp ăn, nhà vệ sinh, tắm (Dạng container lắp ghép hoàn thiện - có thể di chuyển)	Cái	1	

4	Hệ thống điện chiếu sáng khu điều hành và bảo vệ khai trường	h.thống ng	1	
5	Hệ thống cấp nước máy bơm, đường ống, bồn chứa	h.thống ng	1	

* Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Công trình thu gom và thoát nước mưa:

+ Hồ lắng:

Mục đích: Thu gom nước mặt và nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất đá và các tạp chất trong mả chảy ra, lắng đọng lại (bùn đất và các tạp chất rắn) trước khi xả nước trong ra môi trường.

Hố số 1: được bố trí ở phía Tây Nam mả, nằm sát mốc số 3; diện tích 100m², chiều sâu 1,5m, thể tích hồ lắng 150m³;

Hố số 2: được bố trí ở phía Nam của mả, nằm sát mốc số 5; diện tích 100m², chiều sâu 1,5m, thể tích hồ lắng 150m³;

Hố số 3: được bố trí ở phía Tây Nam của mả, nằm sát mốc số 7, diện tích 100m², chiều sâu 4,0m, thể tích hồ lắng 400m³;

+ Đào mương thoát nước:

Mục đích: Thu gom nước trong mả chảy ra về hồ lắng và dẫn nước từ hồ lắng ra hệ thống kênh mương thoát nước khu vực;

Thông số và khối lượng thi công: kích thước 40 x 60 x 40 cm chiều dài xung quanh đáy mả là 1.223 m. Khối lượng cần phải thi công là 145 m³.

+ Đặt công thoát nước:

Mục đích: đặt công tại các vị trí cần dẫn nước qua đường vận tải tạo thuận lợi cho ô tô vận tải và không làm ngắt dòng chảy của mương nước.

Thông số và khối lượng thi công: đặt công thoát nước qua đường đường kính 1m, tổng chiều dài công là 12 mét, số lượng công trên toàn tuyến 01 cái; bố trí ở đầu đường hào mở vỉa và thu về hồ lắng 1.

+ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý qua hệ thống bể phốt; nước thải sinh hoạt từ hoạt động tắm rửa được thu gom qua hố ga lắng trước khi chảy về hồ lắng.

+ Công trình kho lưu giữ chất thải nguy hại: tại khu vực dân dụng nhà kho được xây dựng trên diện tích 9m², tại đây sẽ được xây ngăn để làm nhà lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh.

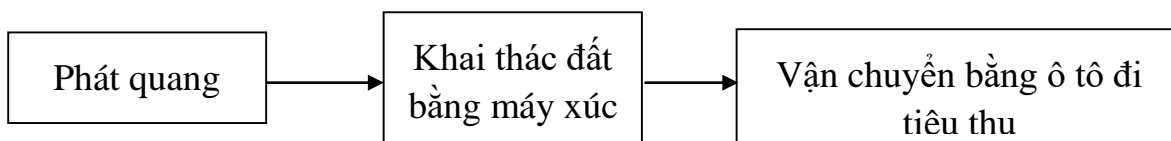
+ Công trình bãi lưu giữ đất phủ bề mặt:

Bãi chứa đất mặt tạm thời có diện tích khoảng 2000m². Tiến hành đắp đê bao cho bãi chứa đất mặt tạm thời với các thông số: chiều dài tuyến đê 195m, chiều rộng mặt đê 3m, chiều rộng chân đê 6m, đê cao 2m.

Trong quá trình khai thác, kết thúc khai thác đến đâu sẽ sử dụng lượng đất mặt lưu giữ tại các bãi để lưu giữ tạm để phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường. Khi khai thác tới khu vực bãi lưu giữ tạm sẽ sử dụng moong đã khai thác để tiếp tục lưu giữ đất mặt phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường và không bố trí bãi thải riêng.

b. Hoạt động khai thác khoáng sản

Các hoạt động khai thác khoáng sản được tổng hợp bằng sơ đồ dưới đây.



1.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Bảng 4. Tổng hợp hạng mục công trình và tác động liên quan

TT	Nguồn gây tác động	Yếu tố tác động	Đối tượng tác động
A	Từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án		
1	Bóc phủ bề mặt	Lá cây, cây bụi	- Cảnh quan khu vực; - Hệ sinh thái thực vật; - Môi trường đất; - Ô nhiễm nước mặt, nước dưới đất; ô nhiễm đất mặt.
2	Hoạt động khai thác đất: xúc bóc, vận chuyển	- Bụi, khí thải - Tiếng ồn	- Người lao động trực tiếp; - Môi trường không khí; - Người dân tham gia giao thông.
3	Nước mưa chảy tràn	Các chất ô nhiễm trên bề mặt bị kéo theo khi có mưa	- Môi trường nước, đất; - Môi trường không khí; - Ô nhiễm nguồn nước mặt; - Gây trượt lở, xói mòn, lũ

TT	Nguồn gây tác động	Yếu tố tác động	Đối tượng tác động
			quét; - Các sự cố môi trường.
4	Sinh hoạt của công nhân	- Nước thải sinh hoạt - Chất thải rắn sinh hoạt - Chất thải nguy hại	- Môi trường đất, nước khu vực Dự án; - Cộng đồng dân cư xung quanh; - Các nguyên nhân xuất hiện bệnh dịch; - Suy thoái môi trường đất và nước.
5	Hoạt động sửa chữa máy móc	Các chất thải nguy hại và dầu mỡ, nước thải	- Môi trường nước, đất; Thoái hoá môi trường đất, nước.
B	Từ hoạt động khai thác của dự án		
1	Phát dọn sinh khối tạo mặt bằng	Sinh khối phát quang	- Cảnh quan khu vực; - Hệ sinh thái thực vật; - Môi trường đất.
2	Hoạt động khai thác đất: xúc bốc, vận;chuyển	- Bụi, khí thải - Tiếng ồn	- Người lao động trực tiếp; - Môi trường không khí. - Người dân tham gia giao thông.
3	- Nước mưa chảy tràn.	Nước thải	- Môi trường nước, đất.
4	Các sự cố, rủi ro (tai nạn lao động, sự cố mưa, bão...).	Tai nạn và sự cố rủi ro khác	- Công nhân mỏ; - Thiết bị, máy móc, tài sản; - Môi trường đất, nước; - Hệ sinh thái.

III. DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH, CHẤT THẢI PHÁT SINH THEO GIAI ĐOẠN CỦA DỰ ÁN

3.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Bụi và khí thải do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và container lắp ghép công trình phụ trợ;

- Bụi và khí thải do quá trình đào đắp, san gạt, vận chuyển đất đá;

- Bụi, khí thải do các phương tiện sử dụng dầu diesel.

- Thành phần: đất, cát, SO₂, NO_x, CO, VOC.

b. Giai đoạn khai thác

- Bụi phát sinh do quá trình khai thác;

- Bụi phát sinh do quá trình xúc bốc và vận chuyển;

- Khí thải phát sinh do các phương tiện máy móc sử dụng dầu diesel.

- Thành phần khí thải chủ yếu SO₂, NO_x, CO, VOC.

3.2 Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân:

+ Khối lượng phát sinh: 2,5 kg/ngày;

+ Thành phần, tính chất: rác thải sinh hoạt chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,...

b. Giai đoạn khai thác

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân:

+ Khối lượng phát sinh: 3 kg/ngày;

+ Thành phần, tính chất: rác thải sinh hoạt chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,...

3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Chất thải rắn sinh khối phát quang:

+ Khối lượng phát sinh: khoảng 900 m³;

+ Thành phần, tính chất: cây bụi, cỏ dại, lá cây...

- Đất mặt bóc phủ:

+ Khối lượng phát sinh: khoảng 31.200 m³;

+ Thành phần, tính chất: đất, mùn...

b. Giai đoạn khai thác

- Chất thải rắn sinh khối phát quang:

+ Khối lượng phát sinh: 1.200 m³;

+ Thành phần, tính chất: cây bụi, cỏ dại, lá cây...

- Đất mặt bóc phủ:

+ Khối lượng phát sinh: khoảng 11.000 m³;

+ Thành phần, tính chất: đất, mùn...

3.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Chất thải nguy hại:

+ Lượng phát sinh: lượng dầu nhớt phát sinh 12 lít/quý (3 tháng); lượng giẻ lau chùi máy 8kg/quý 3 tháng); lượng bóng đèn huỳnh quang, ắc quy hỏng, pin 1kg/quý;

+ Thành phần: giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, bóng đèn neon sau sử dụng....

b. Giai đoạn khai thác

+ Lượng phát sinh: lượng dầu nhớt phát sinh 18 lít/quý (3 tháng); lượng giẻ lau chùi máy 12kg/quý 3 tháng); lượng bóng đèn huỳnh quang, ắc quy hỏng, pin 1kg/quý;

+ Thành phần: giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, bóng đèn neon sau sử dụng....

3.5. Quy mô, tính chất của nước thải:

a. Giai đoạn xây dựng

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lượng phát sinh: 1.290 m³/ngày trên khu vực xây dựng mỏ;

+ Thành phần, tính chất: nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, cát...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công:

+ Lượng phát sinh: 1,2 m³/ngày;

+ Thành phần, tính chất: nước thải này chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

b. Giai đoạn khai thác

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lượng phát sinh: 1.290 m³/ngày trên toàn khu vực dự án;

+ Thành phần, tính chất: nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, cát...

- Nước thải sinh hoạt:

+ Lượng phát sinh: 1,2 m³/ngày;

+ Thành phần, tính chất: Nước thải này chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

3.6. Các tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

Tiếng ồn do máy móc hoạt động.

Bảng 5. Độ giảm cường độ tiếng ồn theo khoảng cách

TT	Hoạt động	Độ ồn theo khoảng cách(dB)						QCVN 26:2010/BTNMT 6h – 21h
		8m	20m	50m	80m	100m	150m	
1	Máy xúc	84	76	67	63	61	60	70
2	Xe ô tô	85	81	72	68	66	62	

Ghi chú: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, áp dụng cho khu vực thông thường

- Độ rung do các loại máy móc hoạt động: độ rung này không lớn, chỉ tác động trong khu vực thi công, phát sinh gián đoạn, rải rác nên ít ảnh hưởng.

b. Giai đoạn khai thác

- Tiếng ồn do máy móc hoạt động khai thác, vận chuyển. Tiếng ồn phát ra từ động cơ và sự rung động của các bộ phận của xe, máy, cường độ âm thanh này thường nằm ở mức trung bình khoảng 75 ÷ 85 dBA.

Bảng 6. Mức ồn trung bình ở một số thiết bị máy móc

TT	Nguồn	Mức ồn (dB)	
		Không tải	Có tải
1	Máy xúc	80	97
2	Ô tô	75	92

3.7. Các tác động không liên quan đến chất thải và rủi ro, sự cố

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Tác động đến cảnh quan khu vực;
- Tác động đến hệ sinh thái trong khu vực
- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra

Bảng 7. Rủi ro, sự cố giai đoạn xây dựng cơ bản

Các dạng rủi ro, sự cố	Nguyên nhân xảy ra rủi ro, sự cố	Mức độ tác động do rủi ro, sự cố	Không gian và thời gian tác động do rủi ro, sự cố
Sự cố sạt lở đất.	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình xây dựng các công trình sẽ làm thay đổi bề mặt địa hình, vào mùa mưa hoặc gặp các cơn mưa lớn sẽ tạo ra các dòng chảy cục bộ gây ra hiện tượng sạt lở - Thi công sai thiết kế 	<ul style="list-style-type: none"> - Gây thiệt hại về sức khỏe của người lao động, có thể xảy ra chết người; - Khả năng hư hại các thiết bị thi công, các hạng mục công trình tại mỏ; - Ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và thay đổi dòng chảy khu vực trên khu vực. - Gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất, nước. - Chậm tiến độ các công trình mỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thực hiện dự án; - Trong suốt thời gian XD CB;
Sự cố do mưa bão, thiên tai...	Do mưa bão, thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Gây thiệt hại về sức khỏe của người lao động, có thể xảy ra chết người; - Khả năng hỏng hóc các thiết bị thi công, các hạng mục công trình tại mỏ; - Gây ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí, đất, nước. - Xảy ra các hiện tượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thực hiện dự án; - Trong suốt thời gian XD CB, đặc biệt là mùa mưa, bão;

		sạt lở.	
Sự cố tai nạn lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Lao động không sử dụng BHLĐ. - Vận hành máy móc không đúng quy định; - Vi phạm nội quy lao động; <p>+ Do các sự cố sạt lở đất sự cố vận chuyển đất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gây thiệt hại về sức khỏe của người lao động, có thể xảy ra chết người; - Khả năng hỏng hóc các thiết bị thi công; 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thực hiện dự án; - Trong thời gian lao động;
Sự cố cháy nổ, cháy rừng	<ul style="list-style-type: none"> + Sinh ra do nguồn điện, chập điện; + Bất cẩn dùng lửa tại những khu vực dễ cháy nổ như xăng dầu; 	<ul style="list-style-type: none"> - Gây thiệt hại về sức khỏe của người lao động, có thể xảy ra chết người; - Khả năng hỏng hóc các thiết bị thi công, các hạng mục công trình tại mỏ; - Xảy ra cháy rừng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thực hiện dự án; - Trong suốt thời gian XDCB;

b. Giai đoạn khai thác

- Tác động đến cảnh quan;
- Tác động đến môi trường xã hội;
- Các rủi ro, sự cố;

Bảng 8. Rủi ro, sự cố giai đoạn khai thác

Các dạng rủi ro, sự cố	Nguyên nhân xảy ra rủi ro, sự cố	Mức độ tác động do rủi ro, sự cố	Không gian và thời gian tác động do rủi ro, sự cố
Sự cố cháy, nổ	<ul style="list-style-type: none"> - Do sơ suất trong sử dụng điện; - Do sơ suất trong đun nấu; - Do chập điện vì ẩm ướt; - Sử dụng điện quá tải. - Do sét đánh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gây thiệt hại về sức khỏe của người lao động, có thể xảy ra chết người; - Khả năng hư hại các thiết bị thi công, các hạng mục công trình tại mỏ; - Gây ảnh hưởng xấu đến 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thực hiện dự án; - Trong suốt thời gian khai thác;

Các dạng rủi ro, sự cố	Nguyên nhân xảy ra rủi ro, sự cố	Mức độ tác động do rủi ro, sự cố	Không gian và thời gian tác động do rủi ro, sự cố
		môi trường không khí, đất, nước. - Chậm tiến độ và công suất khai thác.	
Sự cố sạt lở đất	- Do mưa lớn; - Quá trình khai thác sẽ làm thay đổi bề mặt địa hình, làm mất tính liên kết bề mặt, vào mùa mưa hoặc gặp các cơn mưa lớn sẽ tạo ra các dòng chảy cục bộ gây ra hiện tượng sạt lở. - Do công tác gia cố không đảm bảo; - Khai thác sai thiết kế	- Gây thiệt hại về sức khỏe của người lao động, có thể xảy ra chết người; - Khả năng hư hại các thiết bị thi công, các hạng mục công trình tại mỏ; - Gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất, nước. - Ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và thay đổi dòng chảy khu vực trên khu vực. - Chậm tiến độ và công suất khai thác.	- Khu vực thực hiện dự án; - Trong suốt thời gian khai thác;
Sự cố do thiên tai, mưa bão	- Do mưa bão, sấm sét	- Có thể xảy ra cháy nổ, sạt lở đất; hư hỏng các hạng mục công trình đường, các công trình bờ chắn, hồ lắng... - Gây thiệt hại về cơ sở vật chất, công trình tại khu mỏ; - Chậm tiến độ và công suất khai thác; - Có thể gây ra thương vong	- Khu vực thực hiện dự án; - Trong suốt thời gian khai thác, đặc biệt là mùa mưa bão hàng năm.
Sự cố tai nạn lao	- Khai thác không đúng quy trình kỹ thuật;	- Gây thiệt hại về sức khỏe của người lao động,	- Khu vực thực hiện dự án;

Các dạng rủi ro, sự cố	Nguyên nhân xảy ra rủi ro, sự cố	Mức độ tác động do rủi ro, sự cố	Không gian và thời gian tác động do rủi ro, sự cố
động	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điện, máy móc thiếu an toàn; - Bảo hộ lao động kém chất lượng; - Trượt lở đất. - Do các sự cố liên quan mưa bão. - Xảy ra tai nạn giao thông khi vận chuyển. - Do vận hành sai quy trình các loại máy móc trong hoạt động khai thác. 	<ul style="list-style-type: none"> có thể xảy ra chết người; - Thiệt hại tài sản của Công ty, của địa phương nếu xảy ra tai nạn giao thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong suốt thời gian khai thác;

IV. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

4.1. Đối với bụi, khí thải:

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Bảo dưỡng các phương tiện chuyên chở, thi công đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo quy định;
- Thi công cuốn chiếu các hạng mục công trình, làm đến đâu xong đến đó, đầm nén chặt, không làm toai đất trên diện rộng để giảm thiểu diện tích nguồn phát bụi;
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động đặc biệt là khẩu trang chống bụi cho công nhân thi công trực tiếp;
- Khi chuyên chở đất các xe vận tải phải có bạt phủ kín thùng xe; không chở đất vượt khỏi thành xe tránh rơi vãi, gây bụi;
- Không chở quá tải làm ảnh hưởng đến chất lượng đường nội mỏ;
- Gia cố, làm sạch đường vận chuyển thường xuyên để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa;
- Vệ sinh tưới ẩm đường vận chuyển nội mỏ, các bãi san gạt nhiều bụi, các bãi xúc bốc và những vị trí nhiều bụi khác. Việc tưới ẩm dập bụi được thực hiện

bằng xe tưới nước 2 lần/ngày căn cứ vào các vị trí nhiều bụi, cường độ phát sinh bụi và điều kiện thời tiết. Lượng nước dùng để tưới ẩm khoảng 2m³/ngày.

b. Giai đoạn khai thác

- Đối với bụi từ quá trình khai thác đất:

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm khẩu trang chống bụi, áo quần, mũ bảo hộ lao động.

- Đối với bụi do quá trình xúc bốc và vận chuyển:

+ Thực hiện biện pháp làm sạch lốp xe, vỏ thân xe để giảm thiểu tác động của bụi như sau: trên tuyến đường vận chuyển khi ô tô vận chuyển tới công ra vào mỏ tiến hành lắp đặt bể nước (hố cầu rửa xe), sử dụng bơm xịt làm sạch lốp xe, vỏ thân xe trước khi xe ra khỏi khu vực dự án. Bể nước (hố cầu rửa xe) được bố trí trên tuyến đường vận chuyển, thiết kế bể nước có chiều dài 15m, chiều rộng 8m, có rãnh thoát nước nối vào hồ lắng 1.

+ Công ty cam kết không xúc bốc sản phẩm vượt quá thùng xe, vượt quá trọng tải quy định của xe, không xúc bốc lên các phương tiện quá khổ, quá tải; chỉ xúc bốc lên phương tiện đủ điều kiện vận tải, tránh điều kiện rơi vãi gây ô nhiễm môi trường;

+ Sử dụng sản phẩm đất san lấp của dự án để thường xuyên duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyển mỏ như gia cố đường, lu lèn tạo mặt phẳng bề mặt.... để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng nóng, khô hanh và bùn lầy vào mùa mưa;

+ Vệ sinh, tưới ẩm đường vận chuyển nội mỏ, các bãi san gạt nhiều bụi, các bãi xúc bốc, và những vị trí nhiều bụi khác. Tần suất tưới ẩm là khoảng 2-3 lần/ngày tùy theo điều kiện thời tiết và hiện trạng đường vận chuyển. Lượng nước tiêu hao khoảng 1m³/lần.

+ Vệ sinh, tưới ẩm tuyến đường qua khu dân cư từ khu vực mỏ đến đường xã Hưng Yên Nam (để vận chuyển đến các khu vực sử dụng). Tần suất tưới ẩm là khoảng 2-3 lần/ngày tùy theo điều kiện thời tiết và hiện trạng đường vận chuyển. Lượng nước tiêu hao khoảng 2 m³/lần.

+ Xe vận chuyển có bạt che, phủ bạt trong quá trình vận chuyển, không chở đất vượt thùng xe và không để đất rơi vãi ra đường trong quá trình vận chuyển; vệ sinh tuyến đường vận chuyển trong trường hợp có đất, đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển;

+ Làm tuyến đường qua khu dân cư bằng bê tông hoặc đổ nhựa để vận chuyển sản phẩm, hạn chế lượng bụi phát sinh ảnh hưởng đến nhân dân hai bên tuyến đường. Sau khi làm đường thì trong quá trình vận chuyển tiến hành quét

dọn thường xuyên tuyến đường này, giám sát chặt chẽ việc thực hiện công tác tưới ẩm và vệ sinh tuyến đường.

- Đối với khí thải do phương tiện sử dụng dầu diezen:

+ Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác khai thác và vận chuyển. Định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe, thiết bị thi công công trình để giảm tiếng ồn và khí thải phát ra từ động cơ;

+ Sử dụng nhiên liệu có gốc xuất xứ rõ ràng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định để hạn chế lượng khí thải phát sinh;

+ Bố trí ca lao động hợp lý, tắt các phương tiện hoạt động khi không cần thiết. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm khẩu trang chống bụi, áo quần, mũ bảo hộ lao động.

Tất cả các biện pháp được thực hiện đồng bộ tại từng khâu để giảm thiểu tác động cộng hưởng của bụi và khí thải. Khi thực hiện đồng bộ các giải pháp sẽ hạn chế thấp nhất các tác động xấu đến các lao động tại mỏ, khu vực dân cư hai bên tuyến đường (khoảng 500m) và người dân tham gia giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

4.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Chất thải sinh hoạt:

+ Ưu tiên sử dụng lao động tại chỗ;

+ Tại khu vực mỏ bố trí 02 thùng rác có ghi tên loại rác để phân loại rác: Các loại rác có thể tái chế để bán phế liệu như túi nilong, chai lọ, giấy... tập trung để vận chuyển ra điểm mua thu gom để bán. Các loại rác thải không thể tái sử dụng để bán phế liệu chủ yếu là rác thực phẩm (rau, cơm hộp đồng với đơn vị thu gom rác thải đưa đi xử lý tại bãi rác tập trung.

+ Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân. Thường xuyên nhắc nhở cán bộ công nhân viên bỏ rác đúng nơi quy định.

b. Giai đoạn khai thác

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí 02 thùng rác có ghi tên loại rác để phân loại;

+ Các loại rác có thể tái chế để bán phế liệu như túi nilong, chai lọ, giấy...thì tập trung để vận chuyển ra điểm mua thu gom để bán;

+ Các loại rác thải không thể tái chế: hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải xã Thanh Lâm đưa đi xử lý tại bãi rác tập trung;

+ Giáo dục nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho công nhân và cán bộ quản lý để hình thành thói quen, nếp sống mới;

+ Thu gom, tập trung rác thải sinh hoạt tại khai trường về khu văn phòng để xử lý cùng với rác thải của khu văn phòng, không xả rác bừa bãi gây ô nhiễm.

+ Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân. Thường xuyên nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định.

4.3. Đối với chất thải rắn thông thường

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Chất thải sinh khối phát quang: Thành phần của nhóm chất thải này bao gồm các nhóm cây bụi, dây leo được phân loại và xử lý như sau:

Các nhóm cây có thể sử dụng được cho mục đích của nhân dân thì cho nhân dân thu gom về sử dụng, phần còn lại thu gom tập trung, tiến hành ủ hoai tại khu vực bãi lưu giữ đất bóc phủ để phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường.

- Đối với chất thải rắn là đất mặt bóc phủ: lượng đất mặt bóc phủ giai đoạn này được thu gom và lưu giữ tại bãi lưu giữ tạm thời. Các thông số của bãi lưu giữ đất mặt tạm thời như sau:

Bãi chứa đất mặt tạm thời có diện tích 2.000 m². Tiến hành đắp đê bao cho bãi chứa đất mặt tạm thời với các thông số: chiều dài tuyến đê 195 m, chiều rộng mặt đê 3m, chiều rộng chân đê 6m, đê cao 2m.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, thi công công trình:

Chất thải rắn phát sinh là đất tại từng hạng mục công trình sử dụng luôn cho công trình đó như thi công tuyến đường mở mỏ, san gạt tạo mặt bằng khu phụ trợ.... thì tiến hành thi công theo đúng thiết kế công trình đó, đất đá được đầm nén chặt kịp thời phòng tránh xói mòn, rửa trôi.

Khối lượng đất dư thừa khi thi công các hạng mục công trình được vận chuyển đi phục vụ mục đích san lấp, không có khối lượng phát thải ra môi trường. Khi vận chuyển không chở quá tải, có bạt phủ kín hạn chế rơi vãi.

b. Giai đoạn khai thác

- Chất thải sinh khối phát quang: Thành phần của nhóm chất thải này chủ yếu là lá cây, cây bụi nhỏ. Tiến hành khai thác đến đâu phát quang đến đó. Các nhóm cây có thể sử dụng được cho mục đích của nhân dân thì cho nhân dân thu

gom về sử dụng, phần còn lại thu gom tập trung, tiến hành ủ hoai tại khu vực bãi lưu giữ đất bóc phủ để phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường.

- Đối với chất thải rắn là đất mặt bóc phủ:

Lượng đất này sẽ được thu gom, lưu giữ tại bãi lưu giữ tạm và tại moong tạo thành trong quá trình khai thác để phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường. Lượng đất phủ được sử dụng để cải tạo phục hồi môi trường theo hình thức cuốn chiếu, đến khi khai thác đến vị trí bãi lưu giữ đất phủ nếu lượng đất phủ chưa sử dụng hết thì tiến hành di chuyển vị trí lưu giữ vào vị trí moong đã kết thúc khai thác và tiến hành khai thác khoáng sản tại vị trí lưu giữ ban đầu. Bãi lưu giữ đất phủ được lưu giữ tại khu vực moong đã khai thác nên sau khi sử dụng hết lượng đất phủ thì vị trí lưu giữ này được cải tạo phục hồi môi trường cùng với khu vực moong khai thác.

Quá trình đổ đất bóc phủ bề mặt tại vị trí lưu giữ được đổ theo trình tự từ thấp lên cao. Đổ mỗi lớp 0,8 m được lu lèn chặt đến độ ổn định của bờ bãi lưu giữ. Tại chân bãi lưu giữ tiến hành sử dụng đất đá trong dự án để đắp đê chắn hạn chế sự sạt lở, xói mòn, rửa trôi do nước mưa chảy tràn. Quá trình lưu giữ đất được thực hiện là sử dụng ô tô vào vị trí quy định đổ. Sử dụng máy ủi để san gạt, đầm chặt cho bãi ổn định. Quy trình đổ đất mặt bóc phủ tại vị trí lưu giữ được tuân theo Mục 4 (công tác đổ thải) QCVN 04:2009/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.

4.4. Đối với chất thải nguy hại

- Thu gom, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.5. Đối với nước thải:

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Thi công cuốn chiếu các hạng mục công trình, làm đến đâu xong đến đó, gia cố mặt bằng, taluy chống xói lở, rửa trôi;

+ Đầm nén mặt bằng kịp thời chống lầy hóa, rửa trôi;

+ Không hoạt động xây dựng, san gạt vào những ngày mưa;

+ Thi công hồ lắng 1, hồ lắng 2;

+ Đào rãnh thoát nước dọc đường nội mỏ;

+ Lắp công thoát nước tại vị trí qua đường nội mô với công tròn $D = 1\text{m}$, dài 12m ;

+ Vào mùa mưa, những ngày mưa thì dừng hoạt động khai thác. Chủ đầu tư phải thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết để kịp thời ứng phó. Tuân thủ phương án phòng chống bão lũ của địa phương và kịp thời di chuyển máy móc, trang thiết bị cũng như con người về khu dân dụng để tránh thiệt hại có thể xảy ra. Tổ chức nạo vét hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa trước và sau mưa. Thường xuyên kiểm tra bờ moong, đề phòng sạt lở bờ mỏ, sạt lở do mưa lớn.

- Nước thải sinh hoạt: xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt. Kích thước bể $W = 1,5\text{m}^3$, số lượng bể tự hoại là 1 (bể). Bể được xây dựng tại khu vực phụ trợ của mỏ.

b. Giai đoạn khai thác:

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thoát nước khu vực mỏ gồm mương thoát nước, hồ lắng đã được xây dựng trong giai đoạn XDCB. Đây là hệ thống liên hoàn sẽ hoạt động suốt vòng đời dự án. Do vậy giai đoạn này cần có các biện pháp duy trì vận hành tốt hệ thống này;

+ Tổ chức kiểm tra, nạo vét hệ thống mương trước và sau mùa mưa. Đối với hồ lắng xem xét mức độ bồi lắng theo thực tế để nạo vét. Thường xuyên kiểm tra và gia cố đập chắn hồ lắng kịp thời nhất là trước mùa mưa. Khởi mương nước ở chân taluy, sườn tầng để hướng dòng chảy theo chủ ý và hạn chế nước mưa chảy qua mặt moong;

+ Nước mưa chảy tràn từ khu vực khai thác một phần thoát tự nhiên theo địa hình và hệ thống mương, rãnh, hào thoát về hồ lắng và lắng cạn trước khi sử dụng để tưới ẩm hoặc các công tác khác. Vì vậy thời gian này phải khởi thông hệ thống mương, rãnh, hồ lắng;

+ Dừng hoạt động khai thác vào mùa mưa và những ngày mưa. Thường xuyên kiểm tra bờ moong, bờ hồ lắng đề phòng sạt lở bờ mỏ, taluy đường do mưa lớn;

+ Thường xuyên dọn sạch các loại chất thải, (nhất là chất thải nguy hại) trên mặt moong, ... để hạn chế bị cuốn trôi gây ô nhiễm nguồn nước;

- Đối với nước thải sinh hoạt: tiếp tục sử dụng bể tự hoại 3 ngăn đã xây trong giai đoạn cơ bản để xử lý nước thải sinh hoạt.

4.6. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ

rung

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Đối với tiếng ồn, độ rung:
- + Sử dụng các loại máy móc đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung;
- + Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân.
- + Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu, phát sinh tiếng ồn lớn vào thi công;
- + Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật theo đúng định kỳ quy định của nhà nước. Chỉ vận hành các thiết bị bảo dưỡng tốt ngoài hiện trường, tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu không cần thiết.

b. Giai đoạn khai thác

- Sử dụng các loại máy móc đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung;
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật theo đúng định kỳ quy định của nhà nước. Chỉ vận hành các thiết bị bảo dưỡng tốt ngoài hiện trường. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu không cần thiết;
- Bố trí thời gian khai thác, vận chuyển vào ban ngày (từ 6h sáng đến 18h chiều), không khai thác, vận chuyển về đêm;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.7. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường không liên quan đến chất thải

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- + Đào đắp đúng nơi quy định, đầm nén chặt, tránh rơi vãi trong quá trình chuyên chở;
- + Thi công các hạng mục công trình theo đúng trình tự, lượng đất được làm tối phải thu gom vận chuyển nhanh để tránh rửa trôi, cuốn theo nước mưa chảy tràn;
- + Cam kết không chặt cây, không có các hoạt động ảnh hưởng đến hệ sinh thái ngoài biên giới mỏ;
- + Thực hiện biện pháp tưới ẩm giảm bụi khi thi công các hạng mục công trình để giảm thiểu tác động của bụi đến môi trường xung quanh.

b. Giai đoạn khai thác

- Đối với cảnh quan:

+ Chỉ phát quang sinh khối ở những diện tích cần thiết để khai thác;

+ Đất đá bóc phủ bề mặt được sử dụng đúng nơi quy định, đầm nén chặt, tránh rơi vãi trong quá trình chuyên chở. Sau khi kết thúc thì tiến hành CTPHMT đảm bảo phục hồi cảnh quan môi trường;

+ Xe vận chuyển được phủ bạt kín, tránh rơi vãi trong quá trình chuyên chở;

+ Thực hiện biện pháp tưới ẩm giảm bụi trong hoạt động khai thác để giảm thiểu tác động của bụi đến môi trường xung quanh.

+ Cam kết không chặt cây, không có các hoạt động ảnh hưởng đến hệ sinh thái cây xanh ngoài biên giới mỏ. Thực hiện biện pháp tưới ẩm giảm bụi trong hoạt động khai thác và vận chuyển để giảm thiểu tác động của bụi đến hệ sinh thái cây xanh ngoài biên giới mỏ;

- Đối với môi trường xã hội:

+ Thực hiện công tác đền bù rừng trồng (nếu có) đảm bảo sự đồng thuận và đúng quy định;

+ Kiểm soát tốt các loại chất thải, không gây ô nhiễm môi trường, không để xảy ra sự cố môi trường;

+ Tận dụng tối đa nguồn lao động có đủ năng lực tại địa phương, biện pháp này có thể giảm thiểu được mâu thuẫn giữa công nhân dự án với người dân địa phương;

+ Kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện hướng dẫn những lao động nhập cư về phong tục, tập quán của người dân địa phương để tránh xảy ra các xung đột gây mất an ninh trật tự tại địa phương;

+ Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác quản lý lao động nhập cư lưu trú tại địa bàn trong thời gian thực hiện Dự án. Chọn lựa lao động, đào tạo để không đưa các tệ nạn từ nơi khác về trên địa bàn của địa phương như nghiện hút...

+ Sử dụng có trách nhiệm đường giao thông địa phương, vệ sinh sạch sẽ, không chở quá tải, quá trọng lượng quy định, đóng góp xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa địa phương;

+ Tại khu vực mỏ có bảo vệ trực, cấm biển cảnh báo để không cho người dân, người không có phận sự vào khu vực mỏ, tránh xảy ra những sự cố.

4.8. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố có thể xảy ra

a. Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố do xói mòn, trượt lở:

+ Thi công các hạng mục công trình đúng thiết kế, nhất là công tác đầm nén mặt bằng kỹ, tránh hiện tượng sụt lún, lở đất;

+ Không hoạt động vào những ngày mưa;

+ Hàng ngày thường xuyên kiểm tra các hạng mục công trình, đặc biệt là những nơi có độ dốc lớn và xử lý các vấn đề có nguy cơ xảy ra xói mòn trượt lở khi có mưa.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố do mưa bão, thiên tai:

+ Bố trí cán bộ quản lý tại mỏ đảm nhận trách nhiệm theo dõi các hiện tượng thời tiết bất thường và giám sát sự an toàn của các công trình;

+ Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình tại mỏ trước những điều kiện thời tiết bất thường;

+ Thường xuyên kiểm tra bờ mỏ, taluy đường, phát hiện nơi xung yếu để tiến hành gia cố và xử lý ngay.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

+ Làm hàng rào khu vực hồ lắng số 1 và số 2 để tránh người và gia súc đi lại nguy hiểm;

+ Thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa các sự cố sạt lở, sự cố do mưa bão, thiên tai;

+ Thi công, cải tạo tuyến đường vận nội mỏ có bố trí các điểm tránh xe lên xuống và cấm các biển báo báo hiệu;

+ Khi làm việc, công nhân phải mang đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, chấp hành nghiêm chỉnh các quy phạm kỹ thuật an toàn và nội quy an toàn lao động của Công ty;

+ Soạn thảo, ban hành và tổ chức thực hiện các nội quy an toàn lao động cho toàn mỏ. Nội quy an toàn lao động được niêm yết ngay tại khu vực dân dụng;

+ Phối hợp với đơn vị có đầy đủ chức năng để thực hiện công tác đào tạo huấn luyện an toàn lao động và đăng ký sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

+ Hệ thống biển báo, băng rôn, khẩu hiệu nhắc nhở về an toàn lao động được bố trí hợp lý tại các điểm dễ quan sát và tập trung đông công nhân;

+ Phổ biến kiến thức về vệ sinh an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên và thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn lao động của cán bộ công nhân viên.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ, cháy rừng:

+ Đảm bảo an toàn trong sử dụng điện và bảo quản xăng dầu.

+ Có bảo vệ quản lý chặt chẽ xuất nhập các loại xăng dầu;

+ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy.

+ Toàn bộ cán bộ công nhân viên thực hiện nghiêm túc nội quy an toàn lao động.

b. Giai đoạn khai thác

- Đối với sự cố cháy nổ:

+ Đảm bảo an toàn trong sử dụng điện;

+ Toàn bộ cán bộ công nhân viên thực hiện nghiêm túc nội quy an toàn lao động;

+ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, phổ biến cho CBCNV biết để thực hiện.

- Đối với sự cố sạt lở đất:

+ Khai thác đúng thiết kế được phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra bờ mỏ, phát hiện nơi xung yếu để tiến hành xử lý ngay;

+ Khai thác đến đâu tiến hành củng cố bờ moong đến đó để tránh xói mòn, trượt lở khi có mưa.

+ Làm hàng rào và biển cảnh báo nguy hiểm xung quanh hồ lắng để hạn chế người và gia súc lại gần.

- Đối với sự cố liên quan đến mưa bão, thiên tai:

+ Bố trí cán bộ quản lý môi trường tại mỏ đảm nhận trách nhiệm theo dõi các hiện tượng thời tiết bất thường và giám sát sự an toàn của các công trình;

+ Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình tại mỏ trước những điều kiện thời tiết bất thường;

+ Lập phương án phòng chống lụt bão, liên hệ với địa phương để phối hợp ứng cứu khi có sự cố xảy ra. Không sản xuất trong những ngày mưa bão.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

+ Trên tuyến đường vận chuyển nội mỏ bố trí các điểm tránh xe lên xuống và cắm các biển báo báo hiệu;

+ Khi làm việc, yêu cầu công nhân phải mang đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, chấp hành nghiêm chỉnh các quy phạm kỹ thuật an toàn và nội quy an toàn lao động;

+ Làm hàng rào và cắm biển cảnh báo nguy hiểm xung quanh các hồ lắng nước mưa chảy tràn;

+ Đào tạo huấn luyện an toàn lao động và đăng ký sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn. Phổ biến kiến thức về vệ sinh an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên và thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn lao động của cán bộ công nhân viên;

+ Trang bị đầy đủ và có hiệu quả các thiết bị bảo hộ lao động và có kế hoạch kiểm tra sức khỏe cán bộ công nhân viên định kỳ hàng năm nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp;

+ Giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động bao gồm cả các chế độ liên quan đến sự cố theo luật lao động.

4.9. Nội dung cải tạo phục hồi môi trường dự án

*** Nội dung phương án lựa chọn cải tạo phục hồi môi trường:**

a. Lập biển báo, xây dựng hàng rào trên vách moong

Khu vực khai thác với tổng chiều dài bờ vách moong cần phải lắp đặt biển báo là 1.203 m nên cần lắp đặt 20 biển báo xung quanh trên vách moong. Biển báo hình chữ nhật kích thước 0,6 m x 1 m có ghi chữ “Khu vực nguy hiểm” màu đen. Biển báo được gắn trên các cột bằng bê tông cốt thép (chiều dài cột 2,0m).

Sau đó đan hàng rào dây thép gai xung quanh khu vực moong khai thác tránh cho người và gia súc rơi xuống. Sử dụng hàng rào bằng thép gai với tổng chiều dài hàng rào là 3.609 m.

Khoảng cách giữa các biển báo là 60 m. Để tạo sự chắc chắn cho hàng rào dây thép gai, tiến hành trồng các trụ bê tông, khoảng cách các cột trụ BTCT là 40m. Tổng chiều dài bờ moong là 1.203 m, vì vậy cần lắp đặt thêm 30 cột trụ bê tông với chiều cao mỗi cột là 1,7m (chi tiết xem bản vẽ ĐTM – 08).

b. Công tác tạo hệ thống thoát nước cho đáy moong

Nhằm mục đích thoát nước moong khai thác, sau khi đổ đất màu tại đáy moong để trồng cây dùng máy xúc tạo mương thoát nước kích thước 40 x 60 x 40 cm chiều dài 1.223 m (chi tiết cụ thể xem mặt cắt ngang mương thoát nước, bản vẽ các công trình phục hồi môi trường Bản vẽ ĐTM - 08). Khối lượng cần phải thi công là 145 m³.

c. Lấp hố lũng

Sau khi kết thúc khai thác, để đảm bảo an toàn, tiến hành san gạt để lấp hố lũng. Với diện tích hố lũng là 500 m³, dùng đất xung quanh của mỏ để san gạt lấp hố lũng công tác này được làm kết hợp với đổ đất màu tại đáy moong.

d. Công tác hoàn thổ đáy mỏ trong quá trình khai thác và san gạt moong sau kết thúc khai thác:

Bề mặt đáy moong tại cao độ +65m với diện tích là 4,6750 ha, diện tích đào mương thoát nước là 0,16 ha, diện tích đáy moong thực hiện san gạt, tạo mặt bằng để trồng Keo lá tràm là 4,5150 ha; khối lượng đất cần hoàn thổ và san gạt sau khi tận dụng đất phong hóa bóc tại mỏ (khối lượng đất màu bóc tại mỏ là 21.105 m³) tạo lớp đất 0,7 m là 10.500 m³;

e. Trồng cây đáy moong

Diện tích đáy moong sau khi trừ đi diện tích làm mương là 4,5150 ha, mật độ trồng 2.500 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm 40% mật độ cây trồng trong thời gian 3 năm đầu chăm sóc cây (tương đương 3.500 cây/ha). Vậy số cây phải trồng tại đáy moong là 158.025 cây. Hố được đào theo kích thước hố cách hố 2m, hàng cách hàng 2m (theo quy định của trồng cây keo lá tràm của Tổng cục lâm nghiệp).

Đối với cây giống keo lá tràm hạt tiêu chuẩn cây: Tuổi cây đủ tiêu chuẩn xuất vườn: 3 - 4 tháng, chiều cao cây: 35 - 40 cm, đường kính gốc: 3-4 mm, cây sinh trưởng tốt không sâu bệnh. Bộ rễ phát triển tốt, cây không bị cụt ngọn, không nhiều thân.

Đối với đai bảo vệ có diện tích 0,816 ha. Tiến hành trồng cây trên đai bảo vệ giống như đáy moong. Số cây phải trồng tại đai bảo vệ là 2.856 cây.

Tiến hành trồng cỏ mái taluy sườn tầng với diện tích 1,68 ha. Với mã số công việc là AL.18111.

f. Cải tạo phục hồi môi trường khu vực bãi thải

Trong dự án khai thác không sử dụng bãi thải bên ngoài nên Phương án này không có hạng mục cải tạo phục hồi môi trường khu vực bãi thải. Bãi lưu đất trong khu vực mỏ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cùng với đáy moong.

g. Công tác cải tạo phục hồi môi trường mặt bằng khu phụ trợ

Đối với dự án này, đất được xuất bán trực tiếp tại mỏ. Trong dự án này có trạm cân và cầu rửa xe. Do đó kết thúc khai thác phải di dời các công trình này. Di dời đến vị trí khác (các công trình xây dựng của Công ty). Với trạm cân có khối lượng 15 tấn, cầu rửa xe khoảng 10 tấn và phá dỡ kho CTNH được đặt tại nhà văn phòng thuê của người dân nằm phía Nam dự án.

h. Công tác cải tạo phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ nơi bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác, bao gồm các công tác: duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đường nhựa liên xã là 95 m.

Sau khi kết thúc khai thác mỏ tiến hành cải tạo tuyến đường vận tải từ mỏ đến đường liên xã. Giữ nguyên tuyến đường phục vụ cho công tác giao thông giúp người dân đi lại dễ dàng phục vụ cho công việc trồng và chăm sóc cây. Với chiều dài tuyến đường 95 m, chiều rộng lòng đường trung bình cần cải tạo là 3,0 m. Diện tích cần cải tạo để san gạt và lu lèn là (285m²); Khối lượng san gạt là 1.200m³.

*** Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường:**

Bảng 10. Tổng hợp số tiền phải ký quỹ bảo vệ môi trường

TT	Tên hạng mục	Số tiền (đồng)
1	Tổng dự toán phục hồi môi trường (M _{cp})	1.580.508.000
2	Số tiền ký quỹ lần đầu là:	237.076.200
3	Số tiền ký quỹ cho lần thứ 2 trở đi	46.325.000

*** Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:**

Bảng 11. Danh mục công trình bảo vệ môi trường

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Yêu cầu vận hành thử nghiệm trước khi đi vào hoạt động
1	Xây dựng hồ lắng, hệ thống mương thu gom nước.	Không
2	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	
3	Lắp bẫy nước rửa xe	Không

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Yêu cầu vận hành thử nghiệm trước khi đi vào hoạt động
4	Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân	Không
5	Bạt phủ xe vận tải	Không
6	Biển cảnh báo nguy hiểm	Không

V. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

a. Giai đoạn xây dựng

* Giám sát môi trường không khí:

- Chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn.
- Vị trí: 02 vị trí tại khu vực nhà dân gần nhất.
- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 02/2019/BYT.

b. Giai đoạn khai thác khoáng sản

* Giám sát môi trường không khí:

- Chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn.
- Vị trí: 01 vị trí tại khu vực nhà dân gần nhất.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 02/2019/BYT.

b. Giám sát khác

- Nội dung: giám sát xói mòn, trượt lở, bồi lắng, giám sát cháy nổ;
- Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ.
- Thời gian: giám sát hàng ngày./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(Cấp lần đầu ngày 06.. tháng 3.... năm 2023)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1452/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp tại xóm 6, xã Nghĩa Tiến, thị xã Thái Hòa; số 1600/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 4671/GP-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 10343/UBND-NN ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh về việc chủ trương nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 488/SKHĐT-DN ngày 16/02/2023 về việc báo cáo chủ trương đầu tư Dự án Khai thác mỏ đất san lấp tại xóm 6, xã Nghĩa Tiến, thị xã Thái Hoà.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư:

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinland.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số 0101476973 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; đăng ký lần đầu ngày 29/3/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/5/2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, toà nhà Licogi13, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Tên dự án: Khai thác mỏ đất san lấp tại xóm 6, xã Nghĩa Tiến, thị xã Thái Hòa.

3. Mục tiêu dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp.

4. Quy mô dự án:

Công suất khai thác dự kiến:

- Từ năm thứ 1 đến năm thứ 29: 88.000m³ đất nguyên khai/năm, tương đương 68.217m³ đất nguyên khối/năm;

- Từ năm thứ 30 trở đi: 64.548m³ đất nguyên khai/năm, tương đương 50.037m³ đất nguyên khối/năm.

(Công suất khai thác cụ thể thực hiện theo Giấy phép khai thác khoáng sản)

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 14,07ha, thuộc khu vực được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục bản đồ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 4671/GP-UBND do UBND tỉnh cấp ngày 02/12/2021.

6. Vị trí khu đất thực hiện dự án: Tại xã Nghĩa Tiến, thị xã Thái Hòa.

7. Vốn đầu tư của dự án: Khoảng 7.850.096.000 đồng (*Bảy tỷ, tám trăm năm mươi triệu, không trăm chín mươi sáu ngàn đồng*). 100% vốn tự có của nhà đầu tư.

8. Thời gian hoạt động của dự án: Theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý III/2022 - Quý II/2023: Hoàn thành các thủ tục đầu tư và khởi công xây dựng;

- Quý III/2023 - Quý IV/2023: Hoàn thành dự án và đưa vào hoạt động.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND thị xã Thái Hòa:

- Phối hợp các sở, ngành hướng dẫn Nhà đầu tư triển khai theo đúng quy định hiện hành.

- Chịu trách nhiệm xác định nguồn gốc, loại đất, chủ sử dụng đất với các thửa đất quy hoạch thực hiện dự án.

- Cập nhật dự án vào điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị xã Thái Hòa trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định.

Chu

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc xây dựng, vận hành dự án theo đúng quy định và mục tiêu đã được chấp thuận.

- Định kỳ hàng quý báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi.

2. Nhà đầu tư:

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND thị xã Thái Hòa hoàn thành hồ sơ, thủ tục có liên quan (đất đai, quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường, PCCC, chuyển mục đích sử dụng rừng...) trước khi triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định. Trong đó, phải hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập hồ sơ khai thác, sử dụng tài nguyên nước (nếu có) trình cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt theo quy định.

- Quá trình xây dựng và vận hành dự án phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung, chất lượng không khí xung quanh; tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, môi sinh trong lĩnh vực khai thác khoáng sản; nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về Khoáng sản; thu gom, xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đảm bảo đạt yêu cầu các quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành; kiểm soát, đánh giá chặt chẽ các yếu tố tác động đến môi trường sinh thái đảm bảo không làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp của người dân xung quanh khu vực.

- Thực hiện phương án vận chuyển an toàn, không làm ảnh hưởng đến tuổi thọ công trình giao thông, có trách nhiệm sửa chữa hoàn trả tuyến đường trong trường hợp bị xuống cấp, hư hỏng được xác định nguyên nhân do vận chuyển đất từ khu vực mỏ của dự án.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Công văn số 09/CV-VINLAND ngày 28/02/2023 và Công văn số 01/CV-VINLAND ngày 31/01/2023 của nhà đầu tư.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ biện pháp bảo đảm thực hiện Dự án theo quy định của Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

- Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đầy đủ tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

- Căn cứ ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tại Báo cáo số 488/SKHĐT-DN ngày 16/02/2023 để triển khai thực hiện dự án đúng yêu cầu, đúng quy định.

- Hàng quý, hàng năm báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan thống kê bằng văn bản về tình hình thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư ngày 17/6/2020.



- Dự án chỉ được khởi công khi Nhà đầu tư đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục, điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Tập trung nguồn lực để triển khai, hoàn thành dự án đúng tiến độ.

3. Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Cục Thuế hướng dẫn, yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng... theo quy định trước khi tiến hành đầu tư, xây dựng và trong quá trình vận hành dự án.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND thị xã Thái Hòa; Chủ tịch UBND xã Nghĩa Tiến, thị xã Thái Hòa. Các tổ chức, cá nhân có liên quan và Nhà đầu tư căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *LD*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TT Phục vụ HCC;
- Lưu: VT, CN (TP, CV N.A.Tuấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

Số: 1600 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 08 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong "Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đất san lấp tại xóm 6, xã Nghĩa Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An"
(Trữ lượng tính đến tháng 5 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ- CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; số 51/TT-BTNMT ngày 30/11/ 2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 4671/GP-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vinand và căn cứ Báo cáo kết quả thăm định ngày 31/5/2022 của Hội đồng thăm định khoáng sản tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3109/TTr-STNMT ngày 02/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong "Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đất san lấp tại xóm 6, xã Nghĩa Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An", với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực phê duyệt trữ lượng là 14,07 ha (*bằng chữ: mười bốn phẩy không bảy héc ta*), có tọa độ được xác định tại Phụ lục bản đồ kèm theo Giấy phép số 4671/GP-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo cấp 122 là 2.093.265m³.

3. Tổng trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là 2.093.265 m³.

3. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: +65 m.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Hội đồng thẩm định khoáng sản tỉnh Nghệ An; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vinland và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

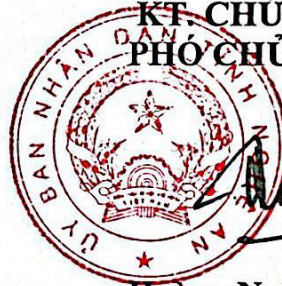
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề B/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp tại xóm 6, xã Nghĩa Tiên, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ các Nghị định: số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An: số 603/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực chưa thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép thăm dò, khai thác của UBND tỉnh; số 3660/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 về việc phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 2 năm 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 4560/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 về việc phê duyệt tiền đặt trước cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Biên bản đấu giá của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản – Sở Tư pháp ngày 29/4/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2553/TTr-STNMT ngày 12/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp tại xóm 6, xã Nghĩa Tiên, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, có diện tích và tọa độ các điểm khếp góc của khu vực tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, với các nội dung sau:

1. Tổ chức trúng đấu giá: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vinland;
2. Giá trúng đấu giá: $R_{đg}$ (Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá) = 3,6% (ba phẩy sáu phần trăm);
3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá: sau khi Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vinland hoàn thành công tác thăm dò, được UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản và phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định;
4. Diện tích thị xã Thái Hòa: chiếm 100%.

Điều 2. Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vinland có trách nhiệm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đối với khu vực mỏ trúng đấu giá trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 29/4/2021 (ngày kết thúc phiên đấu giá).

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vinland theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Thái Hòa, Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vinland và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Nghệ An;
- Lưu VT.NN (V).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nghĩa Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

PHỤ LỤC:

**Diện tích, tọa độ các điểm khép góc khu vực trúng đấu giá
quyền khai thác khoáng sản**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 17/5/2021
của UBND tỉnh)*

Điểm góc	Tọa độ				
	Hệ tọa độ VN-2000 - Kinh tuyến trục 104 ^o 45' múi chiếu 3 ^o				
	Diện tích 15,07ha				
	X (m)	Y (m)	Điểm	X (m)	Y (m)
1	2.137.381	567.074	20	2.136.950	567.457
2	2.137.309	567.061	21	2.136.981	567.427
3	2.137.293	567.102	22	2.137.003	567.444
4	2.137.231	567.091	23	2.137.058	567.478
5	2.137.219	567.109	24	2.137.039	567.500
6	2.136.173	567.088	25	2.137.008	567.521
7	2.137.163	567.095	26	2.137.059	567.592
8	2.137.169	567.120	27	2.137.099	567.670
9	2.137.088	567.291	28	2.137.127	567.648
10	2.137.066	567.355	29	2.137.150	567.678
11	2.137.047	567.383	30	2.137.158	567.697
12	2.137.024	567.415	31	2.137.248	567.651
13	2.137.018	567.421	32	2.137.306	567.451
14	2.136.971	567.392	33	2.137.384	567.369
15	2.136.918	567.460	34	2.137.384	567.344
16	2.136.915	567.456	35	2.137.346	567.344
17	2.136.891	567.471	36	2.137.345	567.294
18	2.136.898	567.483	37	2.137.383	567.294
19	2.136.922	567.468			

